

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 302/TTr-SCT ngày 28 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương, cụ thể như sau:

1. Công bố 17 thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

(Có Phụ lục I kèm theo)

2. Sửa đổi, bổ sung 46 danh mục thủ tục hành chính (*cấp tỉnh: 40 danh mục thủ tục hành chính; cấp xã: 06 danh mục thủ tục hành chính*), cụ thể như sau:

2.1. Tại số thứ tự 01, 02 mục II, phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 27/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

2.2. Tại số thứ tự 01 mục I; 01, 02, 03 mục V; 01, 02 mục VII; từ số 01 đến số 15 mục VII; từ số 01 đến 09 mục IX, Phần I; 01, 02, 03 mục II; 01, 02, 03 mục IV, phần II, phụ lục I và tại số thứ tự 01 mục I; 01, 02, 03, mục II; 01, 02 mục III, phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương;

2.3. Tại số thứ tự 65, 66 mục I phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 1606/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

(Có Phụ lục II kèm theo)

3. Bãi bỏ 03 danh mục thủ tục hành chính tại số thứ tự 01 mục VII, phần II, phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh; Số thứ tự 21, 22 mục I, phụ lục I ban hành Kèm theo Quyết định 1606/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

(Có Phụ lục III kèm theo)

4. Phê duyệt 63 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại khoản 1, 2 Điều 1 Quyết định này và thay thế quy trình nội bộ, cụ thể như sau:

4.1. Tại Số thứ tự 01, 02 mục II, phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 27/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

4.2. Tại số thứ tự 01, 02, 03, 04 mục I; 01, 02, 03 mục II; 01, 02 mục III; Từ số thứ tự 01 đến 15 mục XIII; 01 mục VII; Từ số thứ tự 01 đến 09 mục IX phần A; Tại số thứ tự 01, 02 mục I phần B; Tại số thứ tự 01, 02, 03 mục III; 01, 02, 03 mục IV phần C ban hành kèm theo Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương;

4.3. Tại số thứ tự 05, 06 mục VI, phần A, phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về

việc Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

(Có Phụ lục IV kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KTTTC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, C(03b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục I

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN: 01 THỦ TỤC						
01	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện 2.001384	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương và TTHC được ban hành mới ban hành.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
II. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP VÀ TIỀN CHẤT THUỐC NỔ: 01 THỦ TỤC						
02	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ 1.003401	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, VLNCN và công cụ hỗ trợ về VLNCN và tiền chất thuốc nổ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày và TTHC được ban hành mới.
III. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG: 01 THỦ TỤC						
01	Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuộn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước 1.001335	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Công Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến đầu tư kinh doanh; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;</p> <p>- Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28/12/2023 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;</p> <p>- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
IV. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NẶNG: 01 THỦ TỤC						
01	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự	45 ngày kể từ ngày nhận	Bộ phận tiếp nhận	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu	Không	- Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa</p> <p>1.001158</p>	<p>hồ sơ đầy đủ, hợp lệ</p>	<p>và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>		<p>triển công nghiệp hỗ trợ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; - Thông tư số 19/2021/TT-BCT ngày 23/11/2021 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 ngày của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
V. LĨNH VỰC HOÁ CHẤT: 09 THỦ TỤC						
01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 2.001547	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính; - 15 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Phí: 1.200.000 đồng (Theo quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất).	- Luật Hóa chất năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.				<p>năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
02	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ	Phí: 600.000 đồng (Theo quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hóa chất năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	kiện trong lĩnh vực công nghiệp 2.001175		Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	công quốc gia	Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất).	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
03	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 2.001172	<ul style="list-style-type: none"> - 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính; - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với tổ chức, cá 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Phí: 600.000 đồng (Theo quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất).	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hóa chất năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.				và thương mại; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
04	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 2.001161	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Phí: 600.000 đồng (Theo quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất).	- Luật Hóa chất năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <p>- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</p> <p>- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
05	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên	Phí: 600.000 đồng (Theo quy định tại Thông tư số	<p>- Luật Hóa chất năm 2007;</p> <p>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 2.000652	lệ đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính; - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công Dịch vụ công quốc gia	08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất).	chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, thủ tục

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
06	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 1.011506	<ul style="list-style-type: none"> - 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính; - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Phí: 1.200.000 đồng (Theo quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất).	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hóa chất năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.				về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
07	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 1.011507	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Phí: 600.000 đồng (Theo quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất).	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hóa chất năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</p> <p>- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
08	<p>Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp</p> <p>1.011508</p>	<p>- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>	<p>Phí: 1.200.000 đồng (Theo quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất).</p>	<p>- Luật Hóa chất năm 2007; Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất;</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh của Bộ Công Thương;</p> <p>- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		trụ sở chính; - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính				số điều của Luật Hóa chất; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
09	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Phí: 1.200.000 đồng (Theo quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu,	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.002758	chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	công tỉnh		nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất).	quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
VI. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ: 03 THỦ TỤC						
01	Thay đổi, chấm dứt thông tin	03 ngày làm việc kể từ	Bộ phận tiếp nhận	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu	Không	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>đã thông báo về ứng dụng thương mại điện tử bán hàng</p> <p>1.002968</p>	<p>ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>		<p>16/5/2013 về thương mại điện tử;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về thương mại điện tử; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; - Thông tư 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 quy định về quản lý website thương mại điện tử; - Thông tư 59/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động; Thông tư 01/2022/TT-BCT ngày 18/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Bộ Công Thương.
02	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về website thương mại điện tử bán hàng 1.000758	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử; - Thông tư 01/2022/TT-BCT ngày 18/01/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						ngày 23/6/2025 và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
03	Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử 1.000799	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 và TTHC được ban hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
VII. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU: 01 THỦ TỤC						
01	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa 1.000421	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Công Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại; - Thông tư 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương & Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Phụ lục II**Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)***I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 40 TTHC**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC CỤM CÔNG NGHIỆP: 01 TTHC						
1	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp 1.012427	42 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p> cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;</p> <p>- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
II. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP VÀ TIỀN CHẤT THUỐC NỔ: 02 TTHC						
1	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực	Không	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp 2.000229	được văn bản đề nghị	Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	tuyển trên Cổng Dịch vụ công quốc gia		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thương mại điện tử; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;</p> <p>- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
2	Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp 2.000210	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<p>- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15;</p> <p>- Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;</p> <p>Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thương mại điện tử;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</i>

III. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG: 01 TTHC

1	Nhuộm bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công
---	---	---	--	--	-------	---

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.013780					nghiệp và thương mại; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
IV. LĨNH VỰC ĐIỆN: 03 TTHC						
1	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.013411				<p>thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực;</p> <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. Và các văn bản sửa đổi, thay thế:</p> <p>- Áp dụng đến ngày 01/01/2027: 400.000 đồng;</p> <p>- Sau ngày 01/01/2027 là: 800.000 đồng.</p>	<p>12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực CNTM;</p> <p>- <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</i></p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
2	Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh 1.013412	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. Và các văn bản sửa đổi, 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					thay thế: - Áp dụng đến ngày 01/01/2027: 9.600.000 đồng; - Sau ngày 01/01/2027 là: 19.200.000 đồng.	<i>nước của Bộ Công Thương.</i>
3	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 0.013416	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	- Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố danh mục thủ tục hành</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. Và các văn bản sửa đổi, thay thế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đến 01/01/2027: + Điện năng thương phẩm tiêu thụ dưới 10 GWh/tháng: 4.850.000đ; + Điện năng thương phẩm tiêu thụ từ 10 GWh/tháng đến dưới 10 GWh/tháng: 	<p><i>chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</i></p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>6.250.000 đồng;</p> <p>+ Điện năng thương phẩm tiêu thụ từ 50 GWh/tháng trở lên: 8.350.000 đồng.</p> <p>- Sau ngày 01/01/2027:</p> <p>+ Điện năng thương phẩm tiêu thụ dưới 10 GWh/tháng: 9.700.000đ;</p> <p>+ Điện năng thương phẩm tiêu thụ từ 10 GWh/tháng đến dưới 10 GWh/tháng: 12.500.000 đồng;</p> <p>+ Điện năng</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					thương phẩm tiêu thụ từ 50 GWh/tháng trở lên: 16.700.000 đồng.	
V. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HOÁ TRONG NƯỚC: 03 TTHC						
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) 1.004021	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Phí: 4.500.000 đồng/lần/cơ sở Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương; - Nghị định 146/2025/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p><i>Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</i></p>
2	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) 1.003992	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Phí: 4.500.000 đồng/lần/cơ sở Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá	Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) 1.004007	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Phí: 4.500.000 đồng/lần/cơ sở Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá	<p>đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</i>
VI. LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI: 02 TTHC						

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài 2.000026	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại; Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại; - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</i>
2	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài 2.000133	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại; - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</i>
VII. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU: 02 THỦ TỤC						
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu 1.001238	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</i>
2	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu 1.001104	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;</p> <p>- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;</p> <p>- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</i>
VIII. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ: 09 THỦ TỤC						
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG. 2.001424	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p><i>Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</i></p>
2	<p>Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG 1.000491</p>	<p>07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>	<p>Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</p> <p>- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG 1.000510	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	<p>- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</p> <p>- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ	07 ngày làm việc kể từ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 về kinh doanh khí;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG 1.005184	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	phí hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</i>
5	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG 1.000649	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG 1.005372	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
7	<p>Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG</p> <p>1.000706</p>	<p>15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>	<p>Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.</p>	<p>- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 về kinh doanh khí;</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</p> <p>- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
8	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	<p>- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 về kinh doanh khí;</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	khẩu CNG 2.000146		chính công tỉnh			<p>kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</p> <p>- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ	07 ngày làm việc kể từ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG 1.000387	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	phí hiện hành.	<p>ngày 15/6/2018 về kinh doanh khí;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</i>
IX. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ: 15 THỦ TỤC						
1	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa 2.000255	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại năm 2005; Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Luật đầu tư năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>vực công nghiệp và thương mại;</p> <p>- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.</p>
2	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<p>- Luật thương mại năm 2005; Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Luật đầu tư năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2016;</p> <p>- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	tron 2.000370					<p>có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</p> <p>- <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.</i></p>
3	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<p>- Luật thương mại năm 2005; Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Luật đầu tư năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2016;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí 2.000362		chính công tỉnh			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
4	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP 2.000351	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại năm 2005; Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Luật đầu tư năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.</i>
5	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 2.000340	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại năm 2005; Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Luật đầu tư năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</p> <p>- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.</p>
6	<p>Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài</p> <p>2.000330</p>	<p>28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật thương mại năm 2005; Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Luật đầu tư năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2016;</p> <p>- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</p> <p>- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.</p>
7	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên	Không	- Luật thương mại năm 2005; Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Luật đầu tư năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP 2.000272	lệ.	tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Cổng Dịch vụ công quốc gia		<p>mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2016;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.</i>
8	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) 2.000361	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại năm 2005; Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Luật đầu tư năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.</i>
9	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) 1.000774	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại năm 2005; Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Luật đầu tư năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.</i>
10	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại năm 2005; Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Luật đầu tư năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ 2.000339					<p>chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</p> <p>- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.</p>
11	Điều chỉnh tăng diện tích	05 ngày làm việc, kể từ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu	Không	- Luật thương mại năm 2005; Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Luật

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m²</p>	<p>ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>		<p>đầu tư năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2016;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.</i>
12	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong tâm thương mại 2.000322	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại năm 2005; Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Luật đầu tư năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.</p>
13	<p>Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini 2.002166</p>	<p>30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật thương mại năm 2005; Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Luật đầu tư năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2016;</p> <p>- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.</i>
14	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ 2.000665	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại năm 2005; Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Luật đầu tư năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2016;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			chính công tỉnh			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
15	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ 1.001441	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại năm 2005; Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Luật đầu tư năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.</i>
X. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM: 02 THỦ TỤC						
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm 2.000591	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 11/7/2016 sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất; vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh của Bộ Công Thương; - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 05/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>15/11/2028 quy định về quản lý an toàn thực phẩm;</p> <p>- Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</i></p>
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ	- Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 11/7/2016 sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm số Bộ Công Thương thực hiện 2.000535	được hồ sơ hợp lệ: Đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản	Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	tuyên trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	phí hiện hành	<p>kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất; vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh của Bộ Công Thương; - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 05/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 quy định về quản lý an toàn thực phẩm; - Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Bộ</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>xuất, mặt hàng kinh doanh; thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có giảm về cơ sở kinh doanh.</p> <p>- 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ: Đối</p>				<p><i>trường Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</i></p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>với trường hợp Cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực; chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh.</p>				

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 06 THỦ TỤC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ: 01 THỦ TỤC						
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai 2.001283	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công của UBND xã	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương</i>
2	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai 2.001270	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công của UBND xã	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>Thương.</i>
3	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai 2.001261	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công của UBND xã	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
II. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC: 03 TTHC						
1	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh 2.000633	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công của UBND xã	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>Thương.</i>
2	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh 1.001279	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công của UBND xã	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
3	Cấp sửa đổi bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh 2.000629	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công của UBND xã	Nộp trực tiếp; Dịch vụ bưu chính; Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1752/QĐ-SCT ngày 19/6/2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 về việc công bố TTHC được sửa đổi bổ sung, TTHC bị bãi bỏ và TTHC được ban hành mới của Bộ Công Thương.</i>

Phụ lục III

Danh mục thủ tục hành chính bị bãi trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục
1	1.012569.000.00.00.H52	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính;
2	2.001293.000.00.00.H52	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
3	2.001278000.00.00.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

Phụ lục IV

Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công thương
(Ban hành kèm theo quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC LIÊN THÔNG UBND TỈNH: 57 QUY TRÌNH**I. Lĩnh vực An toàn đập hồ chứa thủy điện: 01 quy trình****1. Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện**

- Thời gian giải quyết: 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	01 ngày
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Cán bộ, công chức được phân công	Ý kiến thẩm định; dự thảo Quyết định Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện.	13 ngày
		Lãnh đạo Sở	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phát hành	Lãnh đạo Sở; Văn thư	Kết quả thẩm định	01 ngày
B4	Liên thông UBND tỉnh			07 ngày

B5	Trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả (Quyết định Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện).	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				25 ngày

II. Lĩnh vực Cụm công nghiệp: 01 quy trình

1. Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp

- Thời gian giải quyết: 42 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
I	UBND CẤP XÃ			18 ngày
B1	- Tiếp nhận văn bản đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp của doanh nghiệp - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử chuyển Lãnh đạo UBND cấp xã.	Công chức một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công UBND cấp xã	Văn bản đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp của doanh nghiệp, HTX, tổ chức	1/2 ngày
B2	Phòng Kinh tế cấp xã xử lý	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Cán bộ, chuyên viên được phân công	Dự thảo văn bản thông báo rộng rãi tiếp nhận hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng thẩm định, trình Lãnh đạo UBND cấp xã phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Văn bản Thông báo rộng rãi việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	01 ngày
B4	Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng	Phòng Kinh tế		12 ngày
B5	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp doanh nghiệp, HTX, tổ chức	Cán bộ, chuyên viên được phân công	Dự thảo Tờ trình của UBND cấp xã, 02 bộ hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	02 ngày
B6	Lãnh đạo UBND cấp xã duyệt và gửi Sở Công Thương (qua Bộ phận một cửa của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công)	Lãnh đạo UBND cấp xã, Cán bộ, chuyên viên được phân công	Văn bản phát hành (Tờ trình, 02 bộ hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp kèm theo tệp tin điện tử của Hồ sơ)	01 ngày
II	SỞ CÔNG THƯƠNG			18 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý công nghiệp	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật	1/2 ngày
B2	Phân công, chuyển hồ sơ TTHC cho công chức phòng xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý công nghiệp	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
B3	<p>Xem xét hồ sơ, thẩm định, xử lý hồ sơ và dự thảo, trình lãnh đạo phòng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên xem xét hồ sơ, tham mưu văn bản xin ý kiến đánh giá của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố có liên quan về hồ sơ đăng ký làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: 01 ngày - Các sở, ngành cho ý kiến: 03 ngày . - Chuyên viên tổng hợp ý kiến đánh giá của các sở, ngành, dự thảo báo cáo thẩm định, ban hành văn bản đề nghị thành viên Hội đồng đánh giá chấm điểm theo các tiêu chí, 03 ngày 	Công chức phòng quản lý Công nghiệp	<p>Dự thảo báo cáo thẩm định, Tổng hợp kết quả đánh giá chấm điểm</p> <p>Dự thảo Quyết định thành lập/mở rộng, Tờ trình, Báo cáo thẩm định</p>	14 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng đánh giá, lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp chấm điểm, họp hội đồng thống nhất kết quả: 05 ngày - Chuyên viên tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ: 03 ngày 			
B4	Thẩm định hồ sơ. Xem xét, xác nhận dự thảo, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	Tờ trình, Báo cáo thẩm định, Dự thảo Quyết định thành lập/mở rộng CCN	02 ngày
B5	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Văn bản phát hành (Tờ trình, Báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định thành lập/mở rộng)	1/2 ngày
B6	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ Hành chính công	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ Hành chính công	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
III	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND tỉnh tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tiếp nhận kết quả liên thông	Chuyên viên phòng chuyên môn UBND tỉnh xem xét trình UBND ký ban hành	Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	05 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
IV	UBND cấp xã			01 ngày
	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả.	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (scan Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp)	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				42 ngày

III. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NẶNG: 01 QUY TRÌNH

1. Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Thời gian giải quyết: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	01 ngày
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công	Văn bản thẩm định; Dự thảo văn bản xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa	30
		Trưởng phòng	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở; Văn thư	Ý kiến phê duyệt, phát hành	01 ngày
B4	Liên thông UBND tỉnh:			11 ngày
B5	Trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả (Scan văn bản xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				45 ngày

IV. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG: 02 QUY TRÌNH

1. Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá.

- Thời gian giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính tỉnh.	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	07 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/2 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	hành chính công tỉnh	vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh		
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				15 ngày

2. Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuộn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước

- Thời gian giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		thụ lý		
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	11 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/2 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

VI. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP VÀ TIỀN CHẤT THUỐC NỔ: 03 QUY TRÌNH

1. Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức được phân công	Ý kiến thẩm định; dự thảo văn bản thụ hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ	01 ngày
		Lãnh đạo Sở	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phát hành	Lãnh đạo Sở; Văn thư	Kết quả thẩm định	1/2 ngày
B4	Liên thông UBND tỉnh			07 ngày
B5	Trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	Đính kèm kết quả (văn bản thụ hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ)	1/2 ngày

Tổng thời gian thực hiện:	03 ngày
----------------------------------	----------------

2. Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy chứng nhận	11 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy chứng nhận)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				20 ngày

3. Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức được phân công	Ý kiến thẩm định; dự thảo văn bản thụ hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ	01 ngày
		Lãnh đạo Sở	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phát hành	Lãnh đạo Sở; Văn thư	Kết quả thẩm định	1/4 ngày
B4	Liên thông UBND tỉnh			1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	Đính kèm kết quả (văn bản thụ hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				03 ngày

VIII. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM: 02 QUY TRÌNH

1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm

- Thời gian giải quyết: 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----------	---------------------------	------------------------------	---------------------------	----------------------------

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	14 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/2 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			07 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	vụ hành chính công tỉnh trả kết quả		
Tổng thời gian thực hiện:				25 ngày

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện

a) Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có giảm về cơ sở kinh doanh

-Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức được phân công	Ý kiến thẩm định; dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm	01 ngày

		Lãnh đạo Sở	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phát hành	Lãnh đạo Sở; Văn thư	Kết quả thẩm định	1/4 ngày
B4	Liên thông UBND tỉnh			1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				03 ngày

b) Trường hợp: Cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực; chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh.

- Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	01 ngày
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày

		Cán bộ, công chức được phân công	Ý kiến thẩm định; dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	14 ngày
		Lãnh đạo Sở	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phát hành	Lãnh đạo Sở; Văn thư	Kết quả thẩm định	01 ngày
B4	Liên thông UBND tỉnh			06 ngày
B5	Trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	Đính kèm kết quả	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				25 ngày

IX. LĨNH VỰC ĐIỆN: 03 QUY TRÌNH

1. Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày

		chính công tỉnh		
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	07 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				14 ngày

2. Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh

- Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	07 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	công tỉnh	Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh		
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				14 ngày

X. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HOÁ TRONG NƯỚC: 03 QUY TRÌNH

1. Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	08 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				15 ngày

2. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	03 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			02 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành	Đính kèm kết quả (bản scan và	

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	chính công tỉnh trả kết quả	bản chính Giấy phép)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				07 ngày

3. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	03 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			02 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày

XI. LĨNH VỰC HOÁ CHẤT: 09 QUY TRÌNH

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

a) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.

- Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	07 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	liên thông, trả kết quả	quả		
Tổng thời gian thực hiện:				12 ngày

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	08 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				15 ngày

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Cán bộ, công chức được phân công	Ý kiến thẩm định; dự thảo văn bản thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ	02 ngày
		Lãnh đạo Sở	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phát hành	Lãnh đạo Sở; Văn thư	Kết quả thẩm định	1/4 ngày
B4	Liên thông UBND tỉnh			1,5 ngày
B5	Trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	Đính kèm kết quả (văn bản thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				05 ngày

3. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

a) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.

- Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	07 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	chính công tỉnh trả kết quả		1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				12 ngày

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	08 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	chính công tỉnh			
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				15 ngày

4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

a) trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.

- Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày

		Sở Công Thương		
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	07 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				12 ngày

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	08 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và	

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	bản chính Giấy phép)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

5. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	02 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			01 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				05 ngày

6. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

a) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính

- Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	07 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	thông, trả kết quả	quả		
Tổng thời gian thực hiện:				12 ngày

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	08 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	chính công tỉnh		thảo Giấy phép	
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				15 ngày

7. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

a) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính

- Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	07 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
Tổng thời gian thực hiện:				12 ngày

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	08 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh		
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

8. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	02 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			01 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				05 ngày

9. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

- a) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính
 - Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	07 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	chính công tỉnh trả kết quả		1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				12 ngày

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Công nghiệp	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	08 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy phép	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	hành chính công tỉnh			
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy phép)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				15 ngày

XII. LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI: 02 QUY TRÌNH

1. Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài.

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản.	02 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			01 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				05 ngày

2. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	03 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			02 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày

XIII. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ: 03 QUY TRÌNH

1. Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng thương mại điện tử bán hàng.

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức được phân công	Ý kiến thẩm định; dự thảo văn bản Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng thương mại điện tử bán hàng	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo Sở	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phát hành	Lãnh đạo Sở; Văn thư	Kết quả thẩm định	1/4 ngày
B4	Liên thông UBND tỉnh			1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				03 ngày

2. Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về website thương mại điện tử bán hàng.

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Cán bộ, công chức được phân công	Ý kiến thẩm định; dự thảo văn bản Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo	01 ngày
		Lãnh đạo Sở	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phát hành	Lãnh đạo Sở; Văn thư	Kết quả thẩm định	1/4 ngày
B4	Liên thông UBND tỉnh			1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				03 ngày

3. Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử.

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	hồ sơ)	vụ hành chính công tỉnh		
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	03 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			02 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày

XIV. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU: 03 QUY TRÌNH**1.Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu.**

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức được phân công	Ý kiến thẩm định; dự thảo văn bản Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo	01 ngày
		Lãnh đạo Sở	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phát hành	Lãnh đạo Sở; Văn thư	Kết quả thẩm định	1/4 ngày
B4	Liên thông UBND tỉnh			1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu.

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức được phân công	Ý kiến thẩm định; dự thảo văn bản Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo	01 ngày
		Lãnh đạo Sở	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phát hành	Lãnh đạo Sở; Văn thư	Kết quả thẩm định	1/4 ngày
B4	Liên thông UBND tỉnh			1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				03 ngày

3. Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức được phân công	Ý kiến thẩm định; dự thảo văn bản Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo	01 ngày
		Lãnh đạo Sở	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phát hành	Lãnh đạo Sở; Văn thư	Kết quả thẩm định	1/4 ngày
B4	Liên thông UBND tỉnh			1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

XV.LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ: 09 QUY TRÌNH**1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG.**

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	08 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự thảo Giấy chứng nhận	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy chứng nhận)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				15 ngày

2. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	03 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			02 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày

3. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG.

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	hồ sơ)	vụ hành chính công tỉnh		
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	03 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			02 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày

4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG.

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	08 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				15 ngày

5. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG.

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	03 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		trình Lãnh đạo Sở phê duyệt		
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			01 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày

6. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG.

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	3 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			01 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	kết quả liên thông, trả kết quả			
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày

7. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG.

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản; Dự thảo Giấy phép	07 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình; dự	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	chính công tỉnh		thảo Giấy chứng nhận	
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính Giấy chứng nhận)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				15 ngày

8. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG.

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày

B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	03 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			01 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày

9. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG.

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	03 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			01 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	kết quả liên thông, trả kết quả	chính công tỉnh trả kết quả		
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày

XVI. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ: 15 QUY TRÌNH

1. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa.

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	04 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				10 ngày

2. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn.

- Thời hạn giải quyết: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----------	---------------------------	------------------------------	---------------------------	----------------------------

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	01 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	14 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	01 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	01 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			07 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	kết quả liên thông, trả kết quả			
Tổng thời gian thực hiện				28 ngày

3. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí.

- Thời hạn giải quyết: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	01 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	14 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	1/2 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	01 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			07 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				28 ngày

4. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Thời hạn giải quyết: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	hồ sơ)	hành chính công tỉnh		
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	14 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	01 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	01 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			07 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				28 ngày

5. Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	02 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

6. Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

- Thời hạn giải quyết: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	01 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	14 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	01 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	01 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			07 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				28 ngày

7. Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	01 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	08 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	01 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	01 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ	Đính kèm kết quả (bản scan và	

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	hành chính công tỉnh trả kết quả	bản chính kết quả)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				20 ngày

8. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT).

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	01 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	08 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	01 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	01 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

9. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	vụ hành chính công tỉnh		
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	16 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	01 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	01 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			07 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				30 ngày

10. Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	01 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				05 ngày

11. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m².

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	02 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			01 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				05 ngày

12. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại.

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	01 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	07 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	01 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	01 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			06 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	kết quả liên thông, trả kết quả			
Tổng thời gian thực hiện:				20 ngày

13. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini.

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	01 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	15 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	01 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			07 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				30 ngày

14. Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	01 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			01 ngày
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				05 ngày

15. Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý Thương mại (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý Thương mại	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Cán bộ, công chức phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản	01 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét thẩm định và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B3	Phê duyệt, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Bàn giao hồ sơ đến bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành Tờ trình.	1/4 ngày
B5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả	Đính kèm kết quả (bản scan và bản chính kết quả)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				05 ngày

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 06 QUY TRÌNH

I. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC: 03 QUY TRÌNH

1. Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

- Thời gian giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Kinh tế	Bộ phận một cửa	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Kinh tế tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; dự thảo các văn bản. <i>Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ</i>	05 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến phê duyệt	03 ngày
B3	Phê duyệt	Chủ tịch UBND xã	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành	Văn thư phát hành và chuyển bộ phận một cửa	Giấy phép	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa	Trả kết quả	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				10 ngày

2. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Kinh tế	Bộ phận một cửa	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Kinh tế tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; dự thảo các văn bản. <i>Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ</i>	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến phê duyệt	02 ngày
B3	Phê duyệt	Chủ tịch UBND xã	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành	Văn thư phát hành và chuyển bộ phận một cửa	Giấy phép	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa	Trả kết quả	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày

3. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Kinh tế	Bộ phận một cửa	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phòng Kinh tế tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; dự thảo các văn bản. <i>Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ</i>	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến phê duyệt	02 ngày
B3	Phê duyệt	Chủ tịch UBND xã	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành	Văn thư phát hành và chuyển bộ phận một cửa	Giấy phép	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa	Trả kết quả	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày

II. LĨNH VỰC LƯU KINH DOANH KHÍ: 03 QUY TRÌNH

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (2.001283)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Kinh tế	Bộ phận một cửa	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Kinh tế tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; dự thảo các văn bản. <i>Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ</i>	12 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Phê duyệt	Chủ tịch UBND xã	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành	Văn thư phát hành và chuyển bộ phận một cửa	Giấy phép	1/4 ngày
B5	Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa	Trả kết quả	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				15 ngày

2.Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Kinh tế	Bộ phận một cửa	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Kinh tế tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; dự thảo các văn bản. <i>Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ</i>	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến phê duyệt	02 ngày
B3	Phê duyệt	Chủ tịch UBND xã	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành	Văn thư phát hành và chuyển bộ phận một cửa	Giấy phép	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa	Trả kết quả	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày

3. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Kinh tế	Bộ phận một cửa	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Kinh tế tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; dự thảo các văn bản. <i>Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ</i>	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến phê duyệt	02 ngày
B3	Phê duyệt	Chủ tịch UBND xã	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành	Văn thư phát hành và chuyển bộ phận một cửa	Giấy phép	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa	Trả kết quả	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày